TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2023/HS-PT
Ngày: 16 - 10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hoài
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hồng
  Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 163/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Văn T và đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Văn T**, sinh ngày 20/4/1975, tại: Nam Định; nơi ĐKHKTT: Tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: 94 A, Tổ A, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T1 và bà: Trần Thị H; vợ: Vũ Thị G; con: Có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại. Vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Ngọc B và Luật sư Nguyễn Thị Thanh H1 – Công ty L1. Có mặt.

2. **Phạm Tiến M**, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1976, tại: Đồng Nai; nơi ĐKNKTT và cư trú: E Tổ A, Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H2 (đã chết) và bà:

Trương Thị Ngọc L; vợ: Võ Thị Thanh T2; con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo M: Luật sư Giang Ái C – Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Trong vụ án còn có bị hại khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/12/2022, Phạm Văn T và Phạm Tiến M lợi dụng bản thân là Cộng tác viên của Trung tâm CEDC, Tạp chí điện tử T3 và giấy giới thiệu được cấp cho T và M để đi đến Mỏ cát của Công ty TNHH L3 tại thôn A, xã H, huyện D quay phim, chụp ảnh với mục đích là sử dụng hình ảnh, video này dùng để đe dọa doanh nghiệp nhằm chiếm đoạt tài sản. Trường xin số điện thoại của anh Lê Hồng P – Giám đốc Công ty TNHH L3 từ những người trông coi bãi cát của công ty. Sau đó T gọi điện thoại cho anh P giới thiệu là Cộng tác viên Tạp chí TTV tại Trung ương để hù dọa nhằm mục đích nhận tiền bạc, phong bì. Do lo sợ bị đăng bài ảnh hưởng đến công việc làm ăn kinh doanh nên anh P muốn gặp để nói chuyện với T để T không sử dụng video, hình ảnh quay chụp tại Mỏ cát để viết bài, đăng báo nhằm tránh ảnh hưởng đến việc xin giấy phép khai thác cát của công ty. Sau đó anh P đã mượn số tiền 10.000.000 đồng của ông Tạ Văn H3, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và nhờ ông H3 gặp và đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này T đưa cho M 5.000.000 đồng.

Cũng trong khoảng thời gian này, T đến quay phim, chụp ảnh tại thôn C, xã Đ, huyện D với mục đích hù dọa anh Nguyễn Văn G1 về việc sẽ báo cơ quan chức năng lập biên bản hoạt động múc đất trái phép và viết bài đăng báo thì anh G1 sẽ bị tịch thu phương tiện. Do lo sợ nên anh G1 đã đưa cho M một phong bì có chứa số tiền 5.000.000 đồng, sau đó M đưa lại cho T. Khoảng 10 ngày sau T nói M nhắn tin, gọi điện cho anh G1 để yêu cầu anh G1 gửi quà và gọi lại cho T qua số điện thoại 0986877779 thì anh G1 gọi lại cho T gặp và đưa cho T một phong bì có chứa 5.000.000 đồng.

Tiếp đến, vào sáng ngày 04/01/2023, Phạm Văn T đi từ thành phố P về huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Trên đường đi, T gọi điện cho chị Nguyễn Thị D là kế toán của Công ty TNHH L3 hẹn gặp tại xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng để

nói chuyện và đe dọa doanh nghiệp này về các hình ảnh, video đã thu thập được để viết bài, đăng báo, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền. Cũng trên đường Đ, M tiếp tục gọi điện cho anh Nguyễn Văn G1 để hẹn gặp, xin tiền do đã có hình ảnh vi phạm của anh G1 về hoạt động san lấp mặt bằng trái phép tại xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Anh G1 gọi điện thoại lại nói nhắn số tài khoản để anh G1 chuyển tiền. T đọc số tài khoản ngân hàng B1 có số tài khoản 62610009577779 để M nhắn cho G1. G1 chuyển số tiền 3.000.000 đồng cho T và M. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/01/2023, T, M gặp D tại quán "A" thuộc thôn E, xã Đ, huyện D để nói chuyện liên quan về hoạt động của Công ty TNHH L3 đang xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại mỏ cát thuộc thôn A, xã H, huyện D. D cung cấp cho T xem một số giấy tờ liên quan đến giấy phép của Công ty L3, M biết và nói: "Trường ơi, nếu vậy thì tạo điều kiện cho D", M nói thêm, tác động tinh thần để D gửi phong bì, tiền bạc cho T. Sau đó, chị D đi phía trước cửa quán thì T đi ra theo, chị D đưa cho T 01 phong bì có ghi chữ "Công ty L3", T cầm phong bì vừa nhận được của chị D mang vào bên trong quán gần nhà vệ sinh mở ra và lấy số tiền 4.500.000 đồng bỏ vào túi quần phải sau đó vò nát phong bì ném xuống gốc cây, quay lại thông báo cho M biết là D có gửi cho một phong bì. Công an huyện D phát hiện lập biên bản Bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn T, Phạm Tiến M về hành vi cưỡng đoạt tài sản và tiến hành tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu liên quan.

Cáo trạng số: 51/CT - VKS ngày 18/04/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, Lâm Đồng truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M, về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 73/2023/HS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023 vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến M 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023 vào thời gian chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 16/6/2023 bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 19/6/2023 bị hại Nguyễn Văn G1 kháng cáo xin cho bị cáo Phạm Văn T được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt; sửa phần trách nhiệm dân sự theo quy định vì các bị cáo đã bồi thường cho bị hại.

Luật sư B và luật sư H1 bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất về tội danh mà Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Trường thành k khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra đã nộp lại tiền khắc phục hậu quả; bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của các bị hại; bị cáo T là lao động chính, hiện đang điều trị chấn thương do tai nạn giao thông nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phạm tội liên tục, không phải phạm tội nhiều lần như bản án sơ thẩm quy kết nên đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để hưởng án treo.

Luật sư C bào chữa cho bị cáo M: Thống nhất với quan điểm của luật sư đồng nghiệp nhưng đề nghị xem xét lại số tiền thu lợi bất chính vì T nộp thay cho M khắc phục hậu quả. Bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, cho bị cáo M hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Phạm Văn T và bị hại Nguyễn Văn G1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Để có tiền sử dụng cho nhu cầu cá nhân, từ ngày 11/12/2022 đến ngày 04/01/2023 lợi dụng bản thân là Cộng tác viên của Trung tâm CEDC, Tạp chí điện tử TTV, các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M có hành vi quay phim, chụp hình hoạt động khai thác cát của Công ty TNHH L3 và hoạt động san lấp, múc đất của ông Nguyễn Văn G1. Vì biết được các hoạt động trên không có giấy phép nên các bị cáo đã sử dụng hình ảnh, video để đe

dọa nhằm chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty TNHH L3 tổng số tiền 14.500.000đ và chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn G1 tổng số tiền 13.000.000đ.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại ông Nguyễn Văn G1 nộp trong hạn luật định nên được xem xét. Nội dung kháng cáo của các bị cáo là xin được hưởng án treo; bị hại G1 kháng cáo xin cho bị cáo T được hưởng án treo, xét thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nộp lại số tiền chiếm đoạt của các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Phạm Tiến M có bố là người có công với cách mạng. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tặng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Việc các luật sư cho rằng các bị cáo phạm tội liên tục, không phạm tội nhiều lần là không có căn cứ chấp nhận. Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần nên luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Bị hại ông Nguyễn Văn G1 xin cho bị cáo T được hưởng án treo, tuy nhiên tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét. Đồng thời, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo xin hưởng án treo nhưng không đủ điều kiện theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và việc cho hưởng án treo không đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và bị hại, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm đã nhận định các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 23.000.000đ qua các biên lai thu tiền số 0005772 và 0005773 ngày 17/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh và số tiền 4.500.000đ đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.9059257 của Công an huyện D. Đồng thời tuyên trả cho Công ty TNHH L3 số tiền 14.500.000đ và trả cho ông Nguyễn Văn G1 số tiền 13.000.000đ là phù hợp. Vì vậy không cần thiết sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M; không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn G1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Tiến M phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023 vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến M 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023 vào thời gian chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Phạm Văn T và Phạm Tiến M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Di Linh (06);
- VKSND Di Linh (01);
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA Di Linh (01);
- Cơ quan THAHS CA Di Linh (01);
- Bị cáo (02);
- Bị hại (01);
- Luật sư (02);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoài